

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:

Đối tượng đăng ký: Giảng viên , Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Lịch sử; Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại



A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

2. Ngày tháng năm sinh: 26-08-1984 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 1404, tòa nhà CTC, chung cư 789, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Giảng đường D3, Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại di động: 0936121816; E-mail: myhanhvn@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2006 đến năm 2009: Trợ giảng Bộ môn Lịch sử, Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ năm 2009 đến năm 2019: Giảng viên Bộ môn Lịch sử (năm 2018, Bộ môn Lịch sử đã được sát nhập vào Bộ môn Văn hóa), Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Chức vụ hiện tại: Trợ lý Khoa học và Sau đại học; Chức vụ cao nhất đã qua: Trợ lý Khoa học và Sau đại học

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.3754.9029

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 19 tháng 06 năm 2006, ngành: Sư phạm Lịch sử

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

-Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 03 năm 2009, ngành: Lịch sử, chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 04 năm 2015, ngành: Lịch sử, chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Khoa Sử học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS liên ngành Sử học – Khảo cổ học – Dân tộc học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Thứ nhất, quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc thời Nguyễn thế kỷ XIX, trong đó tập trung vào hoạt động cầu phong và triều cống giữa hai nước trong thế kỷ này;

Thứ hai, hoạt động cầu phong, triều cống giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á thế kỷ XIX (so sánh với hoạt động cầu phong, triều cống giữa Việt Nam và Trung Quốc cùng thời);

Thứ ba, triều Nguyễn với hoạt động chống cướp biển và cứu trợ tàu thuyền nước ngoài (đặc biệt là tàu thuyền đến từ Trung Quốc và các nước Đông Nam Á) bị nạn trên Biển Đông thế kỷ XIX.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp cơ sở;
- Đã công bố 32 bài báo KH, trong đó 04 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc hệ thống SCOPUS;
- Số lượng sách đã xuất bản: 01 (Sách chuyên khảo, viết một mình)

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

- 1. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh. *Quan hệ Việt Nam – Trung Quốc thế kỷ XIX*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017, ISBN 978 604 57 1390 7.
- 2. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh. Application of Center-Periphery Theory to the Study of Vietnam-China Relations in the Middle Ages, *Southeast Asian Studies*, April issue, 2019, pp.53-79. Print ISSN: 2186-7275, Online ISSN: 2423-8686. Indexed in SCOPUS (Q3).
- 3. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh. Hoạt động triều cống trong quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á lục địa thế kỷ XIX, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 3 (515), 2019, tr.12-30, ISSN.0866-7497.
- 4. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh. Quan hệ Việt Nam – Lào nửa đầu thế kỷ XIX: Đặc điểm, thực chất và bài học kinh nghiệm. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 2 (502), 2018, tr.12-23. ISSN 0866-7497.
- 5. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh. The anti-piracy activities of the Nguyen Dynasty in the South China Sea, 1802–1858, *International Journal of Maritime History*, February issue, pp.50-80, eISSN:20527756, ISSN: 08438714, Sage publishing. Indexed in SCOPUS, ESCI (Q2).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Ban chấp hành Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội: Giảng viên đã có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học từ năm 2010 đến năm 2012, số 213/QĐ-TNHN, ngày 23/4/2012

- Giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội: Giảng viên đã có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học giai đoạn 2010 – 2012, số 1385/TĐ-KT, ngày 23/4/2012.

- Giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội: Giảng viên đã có thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải Ba cấp trường năm học 2013 – 2014. Số 337/TĐ-KT, ngày 22/01/2015.

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2011-2012, Quyết định số 2692 QĐ-ĐHSP HN, ngày 30/7/2012.

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2014-2015, Quyết định số 3701 QĐ-ĐHSP HN, ngày 24/7/2015.

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2015-2016, Quyết định số 3978 QĐ-ĐHSP HN, ngày 7/7/2016.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá)

- Đảm bảo các tiêu chuẩn nhà giáo theo qui định của Luật Giáo dục: Được đào tạo chính quy, đảm bảo nhiệm vụ chuyên môn theo đúng bằng cấp được đào tạo; được Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tuyển dụng làm viên chức sau khi được cấp bằng Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam. Trong quá trình công tác, tôi luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đạt chuẩn và vượt chuẩn theo qui định, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, hết lòng vì quyền lợi của người học và không ngừng phấn đấu vượt mọi khó khăn để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

- Trung thực, khách quan, hợp tác với đồng nghiệp trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học.

- Nỗ lực học tập dưới mọi hình thức để nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực giảng dạy, nghiên cứu.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số: 10 năm

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	6/2013-6/2014				02	270 giờ chuẩn		320 giờ chuẩn
2	6/2014-6/2015				02	270 giờ chuẩn		320 giờ chuẩn
3	6/2015-6/2016				01	270 giờ chuẩn		295 giờ chuẩn
3 năm học cuối								
4	6/2016-6/2017			02	01	225 giờ chuẩn	135 giờ chuẩn	525 giờ chuẩn
5	6/2017-6/2018			01	01	237,42 giờ chuẩn	135 giờ chuẩn	467,42 giờ chuẩn
6	6/2018-6/2019				01	265,92 giờ chuẩn	202,5 giờ chuẩn	493,42 giờ chuẩn

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; số bằng: QC 099928 ; năm cấp: 2013

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Khuyên		HV	Chính		7/12/2016-24/7/2017	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2018
2	Lee Soo Lim		HV	Chính		13/12/2017-3/8/2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2018
3	Cao Thị Việt Anh		HV	Chính		13/12/2017-3/8/2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2018
4	Nguyễn Đức Kiên		HV	Chính		21/9/2017-21/3/2018	Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam	2018

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Quan hệ ngoại giao Việt Nam – Trung Quốc thời Nguyễn (1802-1885)	CK	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017, ISBN 978 604 57 1390 7	01	Viết một mình	Số 179/ĐHSPHN Ngày 28/6/2019

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang.....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Sự chuyển biến trong quan hệ bang giao giữa Việt Nam và Trung Quốc qua so sánh hai giai đoạn: giai đoạn 1802-1858 và giai đoạn 1858 – 1885	CN	Mã số: SPHN11-33 Cấp quản lý: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	15/4/2011- 19/6/2012	19/6/2012
2	Sự chuyển biến của quan hệ kinh tế Việt – Trung từ năm 1802 đến năm 1885	CN	Mã số: SPHN-13-257 Cấp quản	14/6/2013- 4/6/2014	4/6/2014

			ly: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		
3	Thiết chế bộ máy chính quyền Nhà nước trong lịch sử Việt Nam từ năm 1527 đến năm 1802, ý nghĩa thực tiễn và bài học kinh nghiệm	TK	Mã số: IV1.1- 2012.08 Cấp quản lý: Bộ Khoa học và công nghệ	18/11/2013- 10/11/2015	10/11/2015

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

- Trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
1	Hoạt động triều cống trong quan hệ bang giao giữa triều Nguyễn (Việt Nam) với triều Thanh (Trung Quốc)	01	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc			7	65-73	2009
2	Hoạt động thương mại triều cống của các sứ thần Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX	01	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á			8	11-20	2011
3	Đóng góp của tri thức Phật giáo trong quan	01	Tạp chí Nghiên cứu			3	83-99	2011

	hệ bang giao Việt – Trung buổi đầu kỷ nguyên độc lập qua nghiên cứu hai trường hợp: Ngô Chân Lưu và Đỗ Pháp Thuận.		Quốc tế					
4	Hoạt động sách phong và triều công thời Mạc: Hệ quả và thực chất.	01	Tạp chí Xưa và nay			392	8-11	2011
5	Quan hệ kinh tế trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc nửa đầu thế kỷ XIX	01	Tạp chí khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội			2	78-82	2012
6	Đóng góp của Ngô Thì Nhậm đối với nền ngoại giao Việt Nam	01	Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế			89	45-54	2012
7	Vua Phật Trần Nhân Tông trong quan hệ bang giao Việt – Trung	01	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc			7	41-50	2012
8	Mạc Kính Vũ trong quan hệ với Trung Quốc thế kỷ XVII – một cách tiếp cận mới	01	Tạp chí khoa học và giáo dục, Đại học Đà Nẵng			4	57-63	2012
9	Những đóng góp của Lê Hoàn đối với nền ngoại giao thời tiền Lê.	01	Tạp chí Khoa học, Đại học Vinh			2B	18-24	2012
10	Triều Nguyễn với việc giải quyết vấn đề biên giới, lãnh thổ trong quan hệ bang giao giữa Việt Nam và Trung	01	Tạp chí Đại học Huế - Tập san khoa học xã hội và nhân văn			Tập 76B, số 7-12	65-72	2012

	Quốc từ năm 1802 đến 1885							
11	Giảng dạy lịch sử Việt Nam cho sinh viên nước ngoài ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội – một số thực trạng và giải pháp	01	Kỷ yếu hội thảo quốc gia: Sử học Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, Nxb. Thế giới				689-696	2012
12	Lê Quý Đôn với nền ngoại giao Đại Việt	01	Kỷ yếu Hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường ĐHSP toàn quốc lần thứ 2, Nxb. Đại học Huế				288-295	2012
13	Lê Văn Duyệt với nền ngoại giao Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX	01	Kỷ yếu Hội thảo khoa học trẻ lần thứ VII của Bộ giáo dục đào tạo và Đại học Sư phạm 2, Nxb. Đại học Sư phạm				451-457	2012
14	Quốc hiệu Việt Nam và cuộc đấu tranh ngoại giao dưới triều Nguyễn	01	Tạp chí Xưa và nay			421+422	13-15	2013
15	Nguyễn Văn Tường với nền ngoại giao Việt Nam dưới triều Nguyễn nửa sau thế kỷ XIX	01	Tạp chí Khoa học giáo dục – Đại học Sư phạm Đà Nẵng			8	37-41	2013

16	Thơ bang giao trong mối quan hệ Việt – Trung nửa sau thế kỷ XIX	01	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc			10	64-75	2013
17	Tinh thần khoan hòa văn hóa trong nền ngoại giao Việt Nam	01	Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế			1	163-184	2014
18	Quan hệ giữa triều Nguyễn, triều Thanh và thực dân Pháp những năm 1858 – 1885	01	Tạp chí Lịch sử Quân sự			7	28-35	2014

- Sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm Công bố
19	Vietnam – China trade relations in the feudal period: From the early 10 th to the late 19 th century	01	Journal of Mekong Societies, ISSN 1686 – 6541 (print version), ISSN 2287 – 0040 (Electronic version)		2	Vol. 11, No. 3	1-18	2015
20	Buddhism hallmark in settlement of the relation with Champa lands in the reign of Lord	01	Journal of Science, An Giang University, Part A: Social Sciences,			1	9-14	2015

	Nguyen Phuc Chu		Humanities and Education, Special Issue					
21	Nguyễn Thuật với nền ngoại giao Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX	01	Kỷ yếu hội thảo khoa học: Hà Đình Nguyễn Thuật – Danh nhân văn hóa, Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Nam cấp giấy phép xuất bản vào tháng 11/2015				323-335	2015
22	Những vận động cuối cùng của các hoạt động ngoại giao “truyền thống” giữa Việt Nam và Trung Quốc thời phong kiến (1858 - 1885)	01	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc			1	35-48	2016
23	Investiture Beseeching in Vietnam – China Diplomatic Relationship in Feudal Age	01	Asian Culure and History (Canada)		2	Vo.8, No.1	17-27	2016
24	The Confucianism in Japan and in Vietnam: some comparative	01	Religious Studies			Vol.10, N ^o .01&02	96-111	2016

	points							
25	Nho giáo trong nền ngoại giao Việt Nam thời trung đại	01	Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam			12	55-62	2016
26	Characteristics of diplomacy of Vietnam and Korea in Feudalism: some points of reference	01	Tamkang Journal of International Affairs, ISSN 1027-4979	Indexed in SCOPUS, Q4		No.2, Vol.21	57-96	2017
27	Tác động của Trung Quốc đến quan hệ ngoại giao Việt Nam – Nhật Bản thế kỷ XVI –XIX	01	Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam			6	62-71	2017
28	Nho giáo và trật tự thế giới của Trung Quốc thời phong kiến – Nghiên cứu trường hợp quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và Việt Nam	01	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc			5	59-72	2017
29	Trách nhiệm quốc tế của triều Nguyễn trong vấn đề biển Đông thế kỷ XIX	01	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử			5	32-41	2017
30	Khảo cứu về quan hệ ngoại giao Việt Nam – Chân Lạp nửa đầu thế kỷ	01	Kỷ yếu hội thảo Nghiên cứu Hán Nôm năm				35-45	2017

	XIX qua “Minh Mệnh chính yếu” (明命政要)		2017, Nxb. Thế giới					
31	Phụ nữ Việt Nam trong nền ngoại giao dân tộc		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Nghiên cứu và giảng dạy Việt Nam học, Nxb. Đại học Quốc gia tp.Hồ Chí Minh				346-354	2017
32	Quan hệ Việt Nam – Lào nửa đầu thế kỷ XIX: Đặc điểm, thực chất và bài học kinh nghiệm	01	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử			2	12-23	2018
33	Imprint of Confucian culture in the diplomacy between Vietnam and Japan: Some references. Interdisciplinary Sciences	01	HNUE Journal of Science			Volume 63, Issue 5A	126-132	2018
34	Tributary Relations of Vietnam and Japan with China during the Feudal Period: Some Reference Points.	01	SUVANNA BHUMI Multi-disciplinary journal of Southeast Asian Studies, ISSN 2092-			Vol. 10 No. 1	93-116	2018

			738X					
35	Confucianism and Soft Power of China	01	Journal of Social Research & Policy	Indexed in SCOPUS, Q4		Vol.9, Issue.1	1-12	2018
36	Hoạt động cầu phong, thụ phong giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á trong môi trường tác khu vực ở nửa đầu thế kỷ XIX (Qua khảo sát bộ Đại Nam thực lục 大南寔錄)	01	Kỷ yếu hội thảo Nghiên cứu Hán Nôm 2018, Nxb. Thế giới				324-340	2018
37	Application of Center-Periphery Theory to the Study of Vietnam-China Relations in the Middle Ages	01	Southeast Asian Studies	Indexed in SCOPUS, Q3		April issue	53-79	2019
38	Hoạt động triều cống trong quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á lục địa thế kỷ XIX	01	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử			3	12-30	2019
39	The anti-piracy activities of the Nguyen Dynasty in the South China Sea, 1802-1858	01	International Journal of Maritime History	-Indexed in SCOPUS, ESCI-Q2		February issue	50-80	2019

40	Trần Nhân Tông với nền ngoại giao thời bình và những thông điệp cho hậu thế	01	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Trần Nhân Tông và phật giáo Trúc Lâm: Đặc sắc tư tưởng, văn hóa”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội				663- 679	2019
----	---	----	--	--	--	--	-------------	------

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS:

1. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2019). Application of Center-Periphery Theory to the Study of Vietnam-China Relations in the Middle Ages, *Southeast Asian Studies*, April issue. pp.53-79. Print ISSN: 2186-7275, Online ISSN: 2423- 8686. Indexed in SCOPUS, Q3.
2. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2018). The anti-piracy activities of the Nguyen Dynasty in the South China Sea, 1802–1858, *International Journal of Maritime History*, February issue, pp.50-80, eISSN: 20527756, ISSN: 08438714, Sage publishing. Indexed in SCOPUS, ESCI – Q2.
3. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2018). Confucianism and Soft Power of China, *Journal of Social Research & Policy*, Volume: 9, Issue: 1, July, pp.1-12; ISSN: 2067-2640 (print), 2068-9861 (electronic); posted Apr 24. Indexed in SCOPUS. Q4.
4. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2017). Characteristics of diplomacy of Vietnam and Korea in Feudalism: some points of reference. *Tamkang Journal of International Affairs*, Number 2, Volume 21, October, pp.57-96. ISSN 1027-4979, Indexed in SCOPUS, Q4.
5. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh Tributary Relations of Vietnam and Japan with China during the Feudal Period: Some Reference Points. *SUVANNABHUMI Multi-disciplinary journal of Southeast Asian Studies*, Vol. 10 No. 1 (June), pp. 93-116, ISSN 2092-738X.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1				
2				
...				

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Giải Nhì giải thưởng Khoa học Công nghệ cấp Trường năm 2017	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Số quyết định: 2193/ TD-KT Ngày 11/5/2017	1
2	Giải Ba giải thưởng Sử học Phạm Thận Duật	Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam và Quỹ giải thưởng Phạm Thận Duật	Số 26/QĐ-HSH Ngày 12/11/2015	1

Hai giải thưởng trên đều được trao sau khi được cấp bằng Tiến sĩ

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

-

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:
- Giờ chuẩn giảng dạy:
- Công trình khoa học đã công bố:
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Hướng dẫn NCS,ThS: □

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2019

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hanh
Nguyễn Thị Mỹ Hanh

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên kê khai;
- Về giai đoạn ứng viên thuộc biên chế giảng viên trường Đại học Sư phạm Hà Nội và mức độ hoàn thành nhiệm vụ;
- Những trường hợp khác, người khai tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai;

Hà Nội, ngày 1. tháng 7. năm 2019

sr THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN *mv*

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Nguyễn Văn Minh*